

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03 /NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 02 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của
Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Xét Tờ trình số 24/TTr-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 21/BC-HĐND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 2208/UBND-ĐTKT ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 21/BC-HĐND ngày 10 tháng 02 năm 2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Bãi bỏ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Năm thông qua ngày 12 tháng 02 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Viện KSND, TAND tỉnh, Cơ quan THADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và Cổng TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND. 

CHỦ TỊCH



Cao Thị Hòa An



Danh mục lĩnh vực đầu tư cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk
(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 12/02/2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

STT	LĨNH VỰC
I	Giáo dục và đào tạo
1	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất hoặc trang thiết bị của trường học các cấp và các cơ sở giáo dục khác.
2	Hoạt động giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học.
II	Y tế
1	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất hoặc trang thiết bị của bệnh viện; trung tâm y tế; cơ sở khám chữa bệnh; cơ sở sản xuất thuốc, thiết bị y tế; kho dược phẩm; cơ sở trợ giúp xã hội.
2	Hoạt động y tế; hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung; hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung.
III	Văn hóa
1	Đầu tư các dự án văn hoá; khu văn hoá đa năng; các hoạt động thuộc lĩnh vực văn hóa.
IV	Môi trường
1	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng hạ tầng cơ sở vật chất hoặc trang thiết bị cơ sở sản xuất nước sạch; hệ thống phân phối, cấp nước sạch, hệ thống cấp thoát nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân, doanh nghiệp.
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng hạ tầng cơ sở vật chất hoặc trang thiết bị hệ thống xử lý ô nhiễm, xử lý rác thải, khí thải, nước thải, hệ thống tái chế, tái sử dụng chất thải, tái chế phế liệu.
3	Các dự án về ứng phó biến đổi khí hậu, chống ngập, bảo vệ nguồn nước.
4	Đầu tư xây dựng, di chuyển, sắp xếp, hiện đại hóa các khu nghĩa trang.



V	Công nghiệp
1	<i>Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp, khu chức năng.</i>
2	<i>Đầu tư các dự án trong cụm công nghiệp; khu chức năng.</i>
3	<i>Đầu tư công nghiệp theo mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh.</i>
4	<i>Công nghiệp chế biến, chế tạo.</i>
VI	Nông nghiệp
1	<i>Đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt, chăn nuôi, bảo quản nông sản.</i>
2	<i>Đầu tư nông nghiệp theo hướng xanh, tuần hoàn.</i>
VII	Ngư nghiệp
1	<i>Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất hoặc trang thiết bị nuôi trồng và chế biến thủy sản.</i>
VIII	Năng lượng
1	<i>Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất hoặc trang thiết bị hệ thống truyền tải, phân phối, chống quá tải lưới điện, ngầm hóa lưới điện; dự án sản xuất điện năng lượng mới; điện năng lượng tái tạo; năng lượng hydro xanh.</i>
IX	Nhà ở
1	<i>Đầu tư xây dựng dự án nhà ở xã hội; nhà lưu trú công nhân.</i>
2	<i>Đầu tư xây dựng hạ tầng khu tái định cư; nhà ở phục vụ tái định cư.</i>
X	Du lịch
1	<i>Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất hoặc trang thiết bị các cơ sở lưu trú; dịch vụ du lịch; khu chức năng dịch vụ tổng hợp nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí thể thao; khu hoặc điểm du lịch.</i>

XI	Giao thông
1	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất hoặc trang thiết bị các cảng hàng không; cảng cạn; cảng cá; cảng biển; cao tốc; kết cấu hạ tầng giao thông gắn với dịch vụ logistics; hệ thống phương tiện vận tải hành khách công cộng; đơn vị đăng kiểm xe cơ giới; trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.
XII	Các lĩnh vực xã hội hóa và lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế khác theo định hướng phát triển của tỉnh
1	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất hoặc trang thiết bị các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất hoặc trang thiết bị các công trình thể thao; khu liên hợp thể thao vùng.
3	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất hoặc trang thiết bị các dự án trong khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin; dự án hạ tầng kỹ thuật viễn thông, sản xuất sản phẩm công nghệ số, chuyển đổi số; dự án hạ tầng công nghệ - thông tin; các dự án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
4	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất hoặc trang thiết bị các Trung tâm thương mại; siêu thị; chợ đầu mối.
5	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất hoặc trang thiết bị hệ thống hạ tầng thương mại điện tử.
6	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất hoặc trang thiết bị các dịch vụ logistics; vận tải; kho bãi; hệ thống bảo quản, trung chuyển và phân phối hàng hóa.


